

## NGÃU ÍCH ĐẠI SƯ – LIÊN TÔNG CỬU TÔ



Trí Húc Đại Sư tự Ngâu Ích, người đời Thanh, họ Chung, nhà ở Ngô Huyện. Thân phụ thọ trì chú Đại Bi và Bạch Y, mộng thấy đức Quan Âm Đại Sĩ trao cho một đứa bé trai mà sanh ra Ngài.

Thuở niên thiếu Ngài học Nho, từng viết sách bác Phật. Sau nhân xem bộ Trúc Song Tuy Bút Lục của Liên Trì Đại Sư, liền đốt quyển sách của mình viết. Năm hai mươi tuổi, Ngài đọc Kinh Địa Tạng Bản Nguyên phát ý xuất trần, mỗi ngày hằng niệm Phật.

Niên hiệu Thiên Khải năm đầu, Ngài hai mươi bốn tuổi, sau khi nghe một Pháp Sư giảng Kinh, bỗng phát nghi tình, dụng công tham cứu. Ít lâu sau, được tỏ ngộ, liền đóng cửa nhập thất ở Ngô Giang. Thời kỳ ấy Ngài đau nặng, mới quyết chí niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bệnh vừa bớt, liền kết đàn trì chú Vãng Sanh một thất, đốt ba liều nơi cánh tay, thề phát lòng Bồ Đề cầu sanh Cực Lạc, để mau chứng đạo quả, sớm độ chúng hữu tình.

Về sau, Đại Sư trụ trì trải qua các nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thánh Khê, Trường Thủy và Tân An, rộng truyền giáo pháp Thiên Thai và môn Niệm Phật. Thời bấy giờ, những nhà tu Thiền ở các nơi, phần đông cho Pháp Môn Tịnh Độ là quyền giáo. Khi gặp người niệm Phật, tất bảo tham cứu chữ Thù. Riêng Đại Sư lại nhận định pháp Trì Danh chính là tâm tông viên đốn. Có ông Trác Tả Xa, một nhà tu Thiền, đem những huyền lý bên Thiền gạn hỏi Tịnh Độ, Ngài liền trả lời một cách thỏa đáng. Sau đó, Đại Sư về dưỡng lão ở Linh Phong.

Bình thời, Đại Sư từng khai thị rằng:

“Pháp Môn Tịnh Độ không có chi lạ kỳ đặc biệt, yếu điểm chỉ là tin sâu, nguyện thiết và gắng sức thật hành mà thôi. Phật dạy: "Nếu người nào chuyên niệm A Di Đà, chính là Vô

thượng thâm diệu Thiên". Trí Giả đại sư bảo: "Niệm Phật Tam muội là vua trong các môn Tam muội". Tổ Vân Thê cũng nói: "Một câu A Di Đà Phật bao trùm tám giáo, tròn nhiếp năm tông".

Đáng tiếc người thời nay xem niệm Phật là cạn cợt tầm thường, bảo đó là công hạnh của hạng ngu phu, ngu phụ. Bởi thế nên lòng tin không chắc, chẳng gắng sức thật hành, trọn ngày lơ là, công phu khó thành tựu. Có kẻ lại lập phương tiện khéo bảo: "Muốn đi sâu vào Niệm Phật tam muội phải tham cứu chữ Thù". Họ đâu biết rằng: Một tâm niệm hiện tiền, vốn đã tự rời tứ cú, tuyệt bách phi, chẳng cần phải tác ý rời và tuyệt. Một câu Niệm Phật hiện tại cũng vốn vượt tình lìa kiến, cần chi nói diệu, nói huyền? Chỉ quý tin cho chắc, giữ cho vững, rồi buông bỏ hết mà niệm. Hoặc mỗi ngày đêm niệm một muôn, ba muôn, năm muôn, bảy muôn, mười muôn câu lấy sự nhất định không thiếu làm tiêu chuẩn. Như thế quyết giữ đến suốt đời, thề không biến đổi. Và nếu đúng như thế mà không được Vãng Sanh thì chư Phật trong ba đời đều thành vọng ngữ. Một khi được về Cực Lạc, vĩnh viễn không còn thoái chuyển, tất cả Pháp Môn đều lần lượt hiện tiền.

Rất kiêng kỵ kẻ không có chủ trương, nay vậy mai khác. Khi gặp nhà thuyết giáo thì muốn tầm chương trích cú, học luật

học Kinh. Gặp người tu Thiền lại mong tham cứu thoát đầu, theo cơ phong chuyển ngữ. Gặp bậc trì luật, ưa thích ôm bát khất thực, tu hạnh đầu đà. Thế nên sự sự không rời, điều điều chẳng trọn. Đâu biết rằng khi câu Phật hiệu niệm được thuần thực thì ba tạng, mười hai phần Kinh gồm ở trong đó; một ngàn bảy trăm công án, cơ quan hương thượng đều ở trong đó; ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, tam tụ tịnh giới cũng ở trong đó.

Người chân thật niệm Phật, buông bỏ cả thân tâm thế giới là đại bố thí. Niệm Phật không khởi tham sân si là đại trì giới. Niệm Phật không quản nhân ngã thị phi là đại nhẫn nhục. Niệm Phật không gián đoạn, không tạp vọng là đại tinh tấn. Niệm Phật không còn mộng tưởng thô tế là đại thiền định. Niệm Phật không bị các pháp khác mê hoặc cuốn lôi là đại trí huệ. Thử kiểm điểm lấy mình, nếu chưa quên thân tâm thế giới, chưa dứt niệm tham sân si, chưa tuyệt lòng thị phi nhân ngã, chưa hết gián đoạn tạp vọng, chưa trừ vọng tưởng bông lông, chưa khỏi bị pháp khác cuốn lôi mê hoặc thì chưa phải là người chân thật niệm Phật.

Nếu muốn đến cảnh giới Nhất Tâm Bất Loạn, cũng không có cách gì lạ. Khi mới tập niệm, dùng chuỗi ký số rành rẽ và khắc định thời khóa đừng để cho thiếu sót. Như thế lâu

ngày, công phu tự thuần thực, không niệm mà vẫn tự niệm. Chừng đó, muốn ký số hay không ký số cũng được. Nếu bước đầu, vội muốn lộ vẻ mình hay giỏi, muốn tỏ ra không trước tướng, muốn học lời viên dung tự tại, rốt cuộc niệm lực khó thành. Đây tổng yếu bởi tin chưa sâu, thực hành chưa hết sức.

Người như thế, dù cho giảng thông thuộc ba tạng mười hai phân Kinh, thấu suốt một ngàn bảy trăm công án, cũng đều là việc bên bờ sông chết luân hồi mà thôi. Kẻ ấy đến lúc lâm chung, quyết định không dùng chi được!”...

Năm Thuận Trị thứ hai, vào cuối Đông, Đại Sư cảm bệnh nhẹ, Ngài di chúc mọi việc và dặn các đệ tử, sau khi trà tỳ, phải tán nhuyễn xương trộn với bột hòa thành viên, chia thí cho loài cá chim để kết duyên Tịnh Độ với chúng. Sang đầu năm, ngày 21 tháng Giêng, Đại Sư sáng dậy sớm, sắc diện tươi khoẻ như người không bệnh. Đến đúng Ngọ, Ngài đoan tọa trên giường, xây mặt về Tây, chấp tay niệm Phật mà tịch, thọ được 57 tuổi.

Ba năm sau, các môn nhân hội lại, định y pháp làm lễ trà tỳ. Lúc mở bảo tháp ra, thấy toàn thân Đại Sư vẫn còn nguyên vẹn, tóc ra dài phủ hai tai, sắc mặt tươi tỉnh như sống. Đại chúng không nỡ tuân lời di chúc, xây tháp thờ toàn thân ở Chùa Linh Phong.

Trí Húc Đại Sư, người Ngô huyện, họ Chung tự Ngẫu Ích.

Thân phụ thọ trì chú Đại Bi, nằm mộng thấy Quan Thế Âm Bồ Tát trao cho một đứa trẻ trai, mà sanh ra Ngài.

Thuở thiếu niên Ngài học nho, từng viết sách bác Phật. Sau khi được đọc bộ “Trúc Song Tùy Bút” của Liên Trì Đại Sư, Ngài liền đốt quyển sách bác Phật.

Năm 20 tuổi, Ngài đọc Kinh Địa Tạng Bản Nguyên, phát tâm xuất thế, mỗi ngày niệm Phật.

Năm Thiên Khải thứ nhất, tuổi hai mươi bốn, sau khi nghe một Pháp Sư giảng Kinh, Ngài sanh nghi tình, mới dụng tâm tham cứu. Ít lúc sau, được tỏ ngộ, Ngài bèn đóng cửa thất ở Ngô Giang. Xảy mang bệnh nặng, khi ngoạ bệnh, Ngài nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ. Bệnh bớt, Ngài kết đàn trì chú Vãng Sanh:

*Ngài làm bài kệ phát nguyện:*

Cúi lạy A Di Đà,  
Thần Chú dứt gốc nghiệp  
Cùng Quan Âm, Thế Chí,  
Hải chúng Bồ Tát Tăng.  
Con mê bôn trí quang,

Vọng đọa luân hồi khổ  
Nhiều kiếp không tạm ngừng  
Không được cứu được nương.  
Nay được thân là người,  
Vẫn nhằm đời trước loạn,  
Dầu lại dự Tăng luân,  
Mà chưa nhập pháp lưu.  
Mục kích chánh pháp suy,  
Muốn chống, sức chưa đủ,  
Chỉ vì từ đời trước  
Chẳng tu thắng thiện căn.  
Nay tâm con quyết định,  
Cầu sanh Cực Lạc quốc,  
Rồi ngồi thuyền bốn nguyện,  
Vớt hết kẻ trầm luân.  
Nếu con không Vãng Sanh,  
Thời khó toại bốn nguyện.  
Vì vậy với Ta Bà,  
Quyết định phải thoát lìa.  
Cũng như người bị trôi,  
Trước cầu mau đến bờ,  
Sau rồi tìm phương thế,  
Ra vớt người giữa dòng.

Nay con chí thành tâm,  
 Thâm tâm, hồi hướng tâm,  
 Đốt cánh tay ba liêu  
 Kết tịnh đàn một thất.  
 Chuyên trì chú Vãng Sanh,  
 Chỉ trừ giờ ăn ngủ,  
 Dem công đức tu này  
 Cầu quyết sanh Cực Lạc.  
 Nếu con thối bốn nguyện,  
 Quên tưởng về Tây Phương,  
 Thì liền đọa địa ngục,  
 Để mau biết ăn năn.  
 Thề chẳng luyến Nhơn,  
 Thiên Cùng vô vi Niết Bàn.  
 Ngưỡng nguyện Phật oai thần,  
 Lực, vô úy, bất cộng  
 Tam Bảo đức vô biên,  
 Gia bị Trí Húc này,  
 Chiết phục khiến bất thối  
 Nhiếp thọ cho tăng trưởng.

Về sau, Đại Sư rộng truyền giáo pháp Thiên Thai ở các  
 nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thành Khê,  
 Trường Thủy và Tân An, rồi về dưỡng lão ở Linh Phong.



Đương thời, những nhà tu Thiền các nơi, phần đông cho Pháp Môn Tịnh Độ là quyền giáo, phàm gặp người niệm Phật, ắt bảo tham cứu chữ “Thùy (ai)?”. Riêng mình Đại Sư cho rằng: **Trì hồng danh chính là “Tâm Tông viên đôn”**.

- Ông Trác Tả Xa, một nhà tu thiền gạn: “Thế nào là hướng thượng nhứt lộ” của môn niệm Phật? Thế nào là rời tứ cú, tuyệt bách phi?

- Cực tặc rốt sau cả của người niệm Phật là gì?

– Gì là một dùi sau ót của kẻ hào hoa hư ngụy?

- Trông mong Hòa Thượng dẹp duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà qua một bên. Thân kiến Như Lai cảnh giới nói mau một phen, để chấn động Đại Thiên thế giới.

- Đại Sư đáp: “Hướng thượng nhất trước” chẳng phải Thiền chẳng phải Tịnh. Vừa nói đến tham cứu, đã là quyền tạm vì kẻ hạ căn rồi. Nếu quả thiệt bậc đại trượng phu tự nên tin chắc “thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”. Nếu có một niệm cách với Phật thời chẳng đặng gọi là “niệm Phật Tam Muội”. Nếu niệm niệm không trở cách với Phật, thời cần gì gạn hỏi là “ai?”.

Còn Cực tặc của môn Tịnh Độ là: không có Phật ngoài niệm làm sở niệm của niệm, cũng không có niệm ngoài Phật

năng niệm nơi Phật. Chính lúc hạ thủ, toàn thân lún vào ròi tứ cú tuyệt bách phi.

Chỉ thấy được quang minh của đức A Di Đà Phật, chính là thấy thập phương vô lượng chư Phật. Chỉ sanh về Cực Lạc Tây Phương, chính là sanh khắp ở vô lượng Tịnh độ, đây là “hương thượng nhất lộ” của môn niệm Phật.

Nếu bỏ A Di Đà hiện tiền mà đi nói tự tánh Di Đà, bỏ Tây Phương Cực Lạc mà đi nói duy tâm Tịnh độ, đó là “hào hoa hư ngụy”.

Kinh dạy: “tam Hiền, Thập Thánh còn ở quả báo, chỉ một mình Phật là thật ở Tịnh độ”, lời này là “một dùi sau ốt đấy”.

Chỉ tin chắc được môn niệm Phật này, rồi nương tín khởi nguyện, nương nguyện khởi hạnh, thời niệm niệm lưu xuất vô lượng Như Lai, ngồi khắp vô lượng thế giới ở mười phương mà chuyển Đại Pháp Luân, chiếu xưa suốt nay, chẳng phải là việc ngoài phần mình, há lại chỉ chân động Đại thiên thế giới mà thôi ư?”.

Đại Sư từng dạy rằng: “Pháp Môn niệm Phật không có gì lạ lùng cả, chỉ tin chắc rồi cố sức thực hành thôi”.

Phật dạy: “Nếu người nào niệm một đức Phật A Di Đà, đây gọi là “Vô Thượng Thâm Diệu Thiên”.

- Tổ Thiên Thai bảo: “Bốn môn tam muội đồng tên niệm Phật. Niệm Phật tam muội là Vua trong các môn tam muội”.

- Tổ Vân Thê nói: “Một câu A Di Đà Phật gồm hết tám giáo, nhiếp cả năm tông”.

Đáng tiếc người thời nay xem niệm Phật là việc thường cho là công phu của hạng ngu phu ngu phụ. Do đó mà lòng tin không chắc, không cố sức thực hành, trọn ngày lơ lơ nên rồi tịnh nghiệp không thành.

Phải biết rằng một niệm hiện tiền đây vốn tự rời tứ cú tuyệt bách phi, chẳng cần tác ý rời tuyệt. Chính hiện tiền một câu Phật đương niệm đó cũng vốn siêu tình ly kiến, nhọc gì nói diệu nói huyền. Chỉ quý là tin cho chắc, giữ cho vững, rồi liền niệm đi. Hoặc ngày đêm mười vạn câu, bảy vạn câu, hoặc năm vạn, ba vạn, phải quyết định chẳng cho thiếu, thề trọn đời không biến đổi. Đúng như vậy mà không được Vãng Sanh Tịnh Độ thời tam thế chư Phật là vọng ngữ. Được Vãng Sanh rồi thời trụ bậc bất thoái, tất cả Pháp Môn đều lần lượt hiện tiền.

Rất kỳ nay vậy mai khác. Gặp người nghĩa học thời muốn học văn luận, gặp người tu thiền lại mong tham mong cứu, gặp người trì luật thời mộ khát thực trì bát... Như vậy thì ắt không rồi việc gì, trong tâm lằng xằng đủ sự.

Chẳng ngờ: niệm A Di Đà Phật đặng thành thực, thời tam tạng giáo lý gồm trong đó; một nghìn bảy trăm công án cơ quan hướng thượng cũng ở trong đó; ba nghìn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tam tụ tịnh giới cũng không ra ngoài câu Phật.

Người chân thật niệm Phật: trong thì quên thân, ngoài quên cảnh, đó là “đại bố thí”; không sanh lòng tham, sân, si là “đại trì giới”; chẳng chấp thị phi nhân ngã là “đại nhẫn nhục”; niệm Phật không gián đoạn là “đại tinh tấn”; vọng tưởng không móng khởi là “đại thiên định”; không bị sự khác và pháp khác làm mê lầm là “đại trí huệ”.

Thử kiểm điểm lấy mình, nếu chưa quên được thân tâm thế giới, còn tham, sân, si, còn thị phi nhân ngã, còn gián đoạn, còn vọng tưởng tạp niệm, còn bị việc khác môn khác lôi kéo, thời chưa phải là “chân thật niệm Phật”.

Muốn đến cảnh giới nhất tâm bất loạn cũng không phải là có phương cách gì khác lạ, lúc mới tập niệm phải dùng râu chuổi ghi số rành rẽ định chắc thời khóa quyết định không thiếu.

Lâu lâu thuần thực, không niệm mà vẫn tự niệm, bấy giờ ghi số hay không ghi số đều đặng. Nếu ban đầu vội muốn viên dung tự tại, muốn vô tướng, thời ắt niệm lực khó thành; đây là vì tin không chắc nên thực hành không cố gắng.

Tha hồ cho ai giảng suốt mười hai phần giáo, tam tạng Kinh điển, cùng thấu cả nghìn trăm công án cũng chỉ là việc bên bờ sanh tử mà thôi. Đến phút lâm chung quyết định dùng không đặng.

Năm Thuận Trị thứ XI nhà Thanh mùa đông, Đại Sư có bệnh. Ngài dặn các đệ tử: sau khi trà tỳ, tán xương trộn bột chia thí cho cá chim để kết duyên Tịnh Độ với chúng nó.

Sang năm, ngày 21 tháng giêng, Đại Sư sáng sớm dậy, khỏe khoắn tươi tỉnh như không bệnh. Đến giờ ngọ Đại Sư ngồi kiết già trên giường, xoay mặt về hướng Tây chấp tay mà tịch, thọ 57 tuổi.

Sau khi Đại Sư tịch ba năm, các môn như hội lại định y pháp trà tỳ. Lúc mở nắp khánh, thời thấy toàn thân của Đại Sư vẫn nguyên vẹn, tóc ra dài phủ mép tai, sắc mặt như sống.

Đại chúng không nỡ tuân lời của Đại Sư dặn, mới xây tháp thờ ở Linh Phong.

“Dưới đây là một nhà

Sư cận đại sa vào chỗ hại các

Tổ đã răn dạy trích : **Ấn Quang Văn Sao**”.

## SƯ NGỘ KHAI

Sư Ngộ Khai, một pháp hữu của Ấn Quang Đại Sư, vốn là người có căn trí, song tánh Sư cao vọng và háo thắng. Ban sơ, Sư tham cứu Thiên Tông, khinh thường Tịnh độ. Ít lúc sau, nhờ Thông Trí Pháp Sư khai thị, Sư lần để tâm nơi Tịnh độ. Dầu Sư đã có lòng tin Pháp Môn Tịnh độ, song hành trì không chuyên, tâm cao vọng không bớt, Ấn Quang Đại Sư từng khuyên nhắc: nên thấp mình chuyên tu. Nhưng vẫn không thể vãn hồi tâm chấp định của Sư.

Sau một thời gian đó đây giảng diễn. Sư mang bệnh bèn trở về Phổ Đà. Vừa về đến núi, cùng sư huynh là Sư Nguyên Thông chuyện vãng thăm nom. Hàn huyên chưa dứt, Sư đã mệt nói chẳng ra lời. Sau giờ ngọ ngày kế thì Sư mất. Trọn không có chút điềm lành, cũng không một điềm tốt nào đủ chứng nghiệm là Vãng Sanh hay giải thoát cả.

Ôi! Câu: “Nghìn người khó có một giải thoát”, lời của Nhị Tổ và câu: “Chỉ là việc sanh tử, đến lúc lâm chung trọn dùng không đặng”, lời của Cửu Tổ, phải chăng là những nhát búa cho hạng tạp hạnh, phải chăng là những tiếng sấm bên tai các bậc tài trí!

**Mặc Am Đại sư**, một đại Thiên Sư và cũng là một đại Giảng Sư triều Thanh, lúc lâm chung hỏi đại chúng: “Thế nào

gọi là giải thoát?” Không ai đáp được, Đại Sư cười bảo: “Chẳng chi bằng bắt chước ông lão mù già ăn chay, **niệm Phật già dạn** là được”.